

Bản án số: 572/2025/HC-PT

Ngày: 13-5-2025

*“V/v khiếu kiện hành vi hành
chính và quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: ông Thân Văn Nhường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Đình Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025 tại điểm cầu trung tâm phòng xét xử trực tuyến trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần phòng xét xử trực tuyến trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hành chính thụ lý số: 1287/2024/TLPT- HC ngày 16 tháng 12 năm 2024, về việc *“khiếu kiện hành vi hành chính và quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*; do Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2024/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1151/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Hồ Minh Đ, sinh năm 1961; địa chỉ: B L, khu phố A, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T; địa chỉ: số B, đường C, phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn V – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T (xin vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang; địa chỉ: số C H, phường G, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Thành C – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: bà Phạm Thị Trúc H – Trưởng Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố M (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; địa chỉ: số C N, phường F, thành phố M tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Minh T – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang; địa chỉ: số C H, phường G, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Thành C – Chủ tịch.

3. Bà Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1959.

Đại diện theo ủy quyền của bà N: ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1944; địa chỉ: số F, Rạch G, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

4. Bà Hồ Thị Trúc L, sinh năm 1982 (có mặt).

5. Bà Hồ Thị Ngọc H1, sinh năm 1984 (vắng mặt).

6. Ông Hồ Thanh N1, sinh năm 1987 (vắng mặt).

7. Cháu Trần Hồ Kim N2, sinh năm 2005 (vắng mặt).

8. Cháu Hồ Ngọc Kim N3, sinh năm 2014.

9. Cháu Hồ Ngọc An N4, sinh năm 2020.

Người đại diện theo pháp luật của Hồ Ngọc Kim N3 và Hồ Ngọc An N4: ông Hồ Thanh N1, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số B L, khu phố A, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Hồ Minh Đ trình bày: tại Bản án hành chính số 557/2018/HC-PT ngày 19/12/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (Bản án số 557/2018/HC-PT) đã xác định ông Đ đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 432,32m² tại khu phố A, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Ông làm đơn yêu cầu thi hành bản án và Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 01/2019/QĐ-THA ngày

30/5/2019 (Quyết định 01/2019/QĐ-TH) buộc Ủy ban nhân dân thành phố M thi hành Bản án số 557/2018/HC-PT.

Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân thành phố M yêu cầu phải cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan theo Công văn số 2399/UBND-PTNMT ngày 11/5/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố M. Ông đã cung cấp các giấy tờ có liên quan nhưng Ủy ban nhân dân thành phố M không đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông nên ông có làm đơn khiếu nại.

Ngày 10/11/2022 Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 11248/QĐ-UBND (Quyết định 11248/QĐ-UBND) đối với khiếu nại của ông và có nội dung không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông.

Ông tiếp tục khiếu nại nên ngày 04/5/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1027/QĐ-UBND (Quyết định 1027/QĐ-UBND), nội dung giải quyết không liên quan gì với yêu cầu của ông là đo đạc giao 450m² (đo đạc thực tế là 452,8m²) mặt đường L, phường F, thành phố M để cấp giấy chứng nhận cho ông.

Do vậy, ông khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 11248/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M và Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố M làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông đối với 432,32m² đất tại khu phố A, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M trình bày:

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của ông Đ sử dụng: phần đất có diện tích 432,32m² ông Hồ Minh Đ yêu cầu cấp giấy chứng nhận nằm trong tổng diện tích 532,32m² tọa lạc tại khu phố A, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Trước ngày 30/4/1975, phần đất này thuộc sân bay chế độ cũ. Sau 30/4/1975, Ủy ban nhân dân phường F tiếp nhận và giao Phường đội (nay gọi là Ban chỉ huy quân sự) sản xuất để cải thiện đời sống.

Tại Sổ mục kê ruộng đất ngày 04/4/1983 (lập theo Chỉ thị 299/TTG ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ, thể hiện diện tích 432,2m² thuộc một phần thửa đất số 3a, mục tên chủ sử dụng đất ghi là “Ao”.

Năm 1980, ông Đoàn P (cán bộ hưu trí) do không có đất canh tác nên xin Ủy ban nhân dân Phường F cho ông được trồng rau trên phần đất này.

Quá trình sử dụng, ông Đoàn P làm “giấy giao quyền canh tác” cho ông Hồ Minh Đ, theo giấy giao quyền canh tác ghi ngày 15/11/1984, có xác nhận của ông Lê Chí D (Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường F) với nội dung “đồng ý cho tạm cất nhà và tạm trú, nếu sau này Nhà nước giải tỏa để xây dựng những công trình có ích cho xã hội thì phải chấp hành”.

Sau đó, ông Đoàn P tiếp tục làm giấy tay sang nhượng phần đất này cho ông Hồ Minh Đ với giá 15.000 (giấy sang nhượng ghi ngày 20/11/1984 và không thông qua chính quyền).

Ngày 13/11/1993, ông Hồ Minh Đ làm đơn xin sử dụng đất thổ cư đối với toàn bộ diện tích đất mà ông sang nhượng từ ông Đoàn Phước. Ngày 04/12/1993, Phòng Kinh tế có Tờ trình số 1019/QLRĐ về việc sử dụng đất thổ cư của ông Hồ Minh Đ, diện tích 532,32m², gửi Ủy ban nhân dân thành phố M. Ngày 07/12/1993, Ủy ban nhân dân thành phố P, chuyển tờ trình đến Ban Q1 xem xét, giải quyết.

Ngày 17/4/1995, Phòng địa chính thành phố M có Tờ trình số 101/ĐC đề nghị *“cấp không cho ông Hồ Minh Đ 100m² đất nhà ở. Phần còn lại là 432,32m² giao cho ông Đ quản lý khi chưa có yêu cầu sử dụng và ông Đ làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước”*. Tờ trình được Ủy ban nhân dân thành phố M phê duyệt số 341/UB ngày 21/4/1995 với nội dung *“chuyển Sở Địa chính xem xét quyết định”*.

Tuy chưa được xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất nêu trên nhưng ông Hồ Minh Đ vẫn lập tờ kê khai chuyển dịch và nộp lệ phí trước bạ phần diện tích 532,32m².

Ngày 31/7/1995, Ban Q1 giấy xác định phần đất thổ cư (đất ở) số 3872/QLRĐ cho ông Hồ Minh Đ với diện tích 82,5m² (do đã trừ lộ giới), trong phần ranh giới có ghi Đông giáp *“phần đất còn lại Ủy ban nhân dân thành phố T giao cho ông Đ sử dụng”*.

Do không được cấp phần diện tích 432,32m² đất vườn, ông Hồ Minh Đ gửi đơn khiếu nại.

Ngày 05/8/1997, Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 373/QĐ-UB với nội dung:

“Điều 1. Bác đơn ông Hồ Minh Đ đòi cấp quyền sử dụng phần đất có diện tích 432,32m² tọa lạc tại khu phố A, thành phố M;

Điều 2. Thu hồi toàn bộ 432,32m² được ghi tại Điều 1 giao cho Ủy ban nhân dân Phường F quản lý. Khi có nhu cầu sử dụng phải đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh C1” (sau đây gọi tắt là Quyết định số 373/QĐ-UB).”

Ông Hồ Minh Đ không đồng ý với Quyết định 373/QĐ-UB tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh T. Ngày 02/12/1998, Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 3194/QĐ-UB với nội dung:

“Điều 1. Nay bác yêu cầu khiếu nại của ông Hồ Minh Đ ngụ khu phố A, phường F, thành phố M về việc xin hợp thức hóa quyền sử dụng 432,32m² đất nông nghiệp tọa lạc cùng địa chỉ trên. Chuẩn y Quyết định số 373/QĐ-UB ngày 05/8/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố M.

Điều 2. Bổ sung một phần Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố M là thoái thu phần tiền ông Hồ Minh Đ đã nộp cho Chi Cục thuế thành phố M với diện tích 432,32m² đất nông nghiệp với số tiền 425.000 đồng”.

Ông Hồ Minh Đ vẫn không thống nhất với Q số 3194/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh T và tiếp tục khiếu nại. Ngày 09/8/2006 Ủy ban nhân dân tỉnh T đã ban hành Quyết định số 2966/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Hồ Minh Đ, ngụ số A, đường L, khu phố A, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Nội dung Quyết định:

“Điều 1. Bác đơn ông Hồ Minh Đ, ngụ số A, đường L, khu phố A, Phường F, thành phố M, về việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 432,32m² đất nông nghiệp tọa lạc cùng địa chỉ trên.

Giữ nguyên Quyết định số 3194/QĐ-UB ngày 02/12/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc giải quyết khiếu nại của ông Hồ Minh Đ.

Giao Ủy ban nhân dân thành phố M quản lý phần đất có diện tích 432,32m² tọa lạc Lý Thường Kiệt B, khu phố A, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.”.

Ông Hồ Minh Đ không thống nhất với Quyết định giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh T, đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Ngày 23/8/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Bản án sơ thẩm số 20/2017/HC-ST đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ, tuyên xử: “Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Minh Đ yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 450m² đất vườn tọa lạc khu phố A, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Minh Đ yêu cầu hủy quyết định hành chính số 373/QĐUB ngày 05/8/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố M và Quyết định số 3194/QĐUB ngày 02/12/1998 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T...”

Ông Đ kháng cáo bản án sơ thẩm, ngày 19/12/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh ban hành Bản án số 557/2018/HC-PT, tuyên xử: “Chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Minh Đ: Sửa bản án sơ thẩm số 20/2017/HC-ST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang: Hủy Quyết định số 373/QĐUB ngày 05/8/1997 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M và Quyết định số 3194/QĐUB ngày 02/12/1998 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố M phải thực hiện nhiệm vụ công vụ của mình theo đúng quy định pháp luật”

Ngày 11/5/2022, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Công văn số 2399/UBND-PTNMT về việc phúc đáp đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hồ Minh Đ, có nội dung: “...*đề nghị ông Hồ Minh Đ cung cấp các giấy tờ có liên quan chứng minh nguồn gốc sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và các giấy tờ có liên quan chứng minh theo nhận định của Tòa án...*” Tuy nhiên, ông Đ không thực hiện theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố.

Như vậy, căn cứ Khoản 1, Khoản 2 Mục 1 và Khoản 1, Khoản 2, Mục 4 của Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất; Điều 5 Luật đất

đai năm 2003; Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, ngày 11/5/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Công văn số 2399/UBND-PTNMT đề nghị ông Hồ Minh Đ cung cấp các giấy tờ có liên quan chứng minh nguồn gốc đất đối với diện tích 452,8m². Tuy nhiên, ông Đ không thực hiện theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố. Do đó, ngày 04/8/2022, Ủy ban nhân dân thành phố B Công văn số 4081/UBND-PTNMT có nội dung: “...Hiện tại, ông Hồ Minh Đ không cung cấp được các tài liệu, giấy tờ pháp lý để chứng minh đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố M không thể cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 452,8m², tọa lạc tại Phường F, thành phố M...”

Do ông Hồ Minh Đ khiếu nại nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Quyết định giải quyết khiếu nại số 11248/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M giải quyết bác đơn khiếu nại của ông Hồ Minh Đ là đúng quy định.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T trình bày:

Ngày 04/5/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định giải quyết (lần hai) số 1027/QĐ-UBND có nội dung bác đơn khiếu nại của ông Hồ Minh Đ; giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 11248/QĐ-UBND do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành là đúng pháp luật nên đề nghị Tòa án giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 1027/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2024/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã tuyên xử:

1. Đình chỉ việc ông Hồ Minh Đ khởi kiện hành vi của Ủy ban nhân dân thành phố M không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng của diện tích 450m² (đo đạc thực tế là 452,8 m²) đất vườn tọa lạc tại khu phố A, phường F, thành phố M cho ông Đ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Minh Đ.

- Hủy Quyết định số 11248/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M.

- Hủy Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2024, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của người bị kiện có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện bà Phạm Thị Trúc H trình bày: Người bị kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hiện nay phần đất ông Đ yêu cầu cấp giấy chứng nhận vẫn do ông Đ quản lý sử dụng, không có quyết định thu hồi đất và Bản án số 557/2018/HC-PT vẫn có hiệu lực, không bị cơ quan nào hủy. Tuy nhiên, căn cứ các quy định pháp luật, ông Đ không có kê khai đăng ký đất trong sổ mục kê theo Chỉ thị 299 và không cung cấp được các tài liệu theo quy định của Luật đất đai nên không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Người khởi kiện ông Hồ Minh Đ trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn G là đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé N trình bày: đã có bản án xác định diện tích ông Đ đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật nhưng Ủy ban nhân dân Thành phố M không thực hiện bản án là làm trái quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Hồ Thị Trúc L đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: ông Đ khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất tại Khu phố A, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang thì đã được giải quyết tại Bản án hành chính phúc thẩm số 557/2018/HC-PT nên Hội đồng xét cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của ông Đ và hủy các quyết định giải quyết khiếu nại bị khởi kiện là có căn cứ. Người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của người bị kiện vắng mặt, có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Ngọc H1, ông Hồ Thanh N1, cháu Trần Hồ Kim N2 vắng

mặt đã được triệu tập hợp lệ, không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của người bị kiện nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người bị kiện

[2.1] Ông Hồ Minh Đ khiếu kiện Quyết định số 11248/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M và Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T.

[2.2] Ông Hồ Minh Đ khiếu kiện về hành vi không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 450m² (đo đạc thực tế là 452,8 m²) đất vườn, tọa lạc tại Khu phố A, Phường F, thành phố M; trước đây Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 05/8/1997 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 3194 ngày 02/12/1998 để giải quyết yêu cầu này của ông Đ. Ông Đ không đồng ý nên đã khởi kiện tại tòa. Sự việc đã được giải quyết bằng Bản án số 557/2018/HC-PT ngày 19/12/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phần nhận định của bản án số 557/2018/HC-PT ghi: “...việc Ủy ban nhân dân thành phố M ban hành quyết định số 373/QĐ-UB ngày 05/8/1997 về việc giải quyết khiếu nại về hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đồng thời tại điều 2 của quyết định thu hồi toàn bộ diện tích 432,32m² đất của ông Đ mà không có tính đến công sức giữ gìn cải tạo đất của ông Đ là chưa hợp lý. Mặt khác ông Đ đã sử dụng phần đất này từ năm 1984 đến nay và trong quá trình sử dụng ông Đ đã làm tròn nghĩa vụ của người sử dụng đất như đăng ký, kê khai, nộp thuế cho nhà nước. Do đó, đối chiếu với các quy định của Luật đất đai năm 1987, 1993, 2003 và 2013 thì ông Đ đã hội đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cho nên quyết định số 373 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M sai về nội dung và hình thức nên quyết định 3194 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T trả lời về việc giữ nguyên quyết định 373 cũng không đúng...”

Tại phần quyết định của Bản án số 557/2018/HC-PT đã tuyên: “...Hủy quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 05/8/1997 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M và Quyết định 3194 ngày 02/12/1998 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố M thực hiện nhiệm vụ công vụ của mình theo đúng quy định pháp luật...”

[2.3] Tại quyết định số 01/2019/QĐ-THA ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang buộc thi hành quyết định hành chính, tại phần quyết định có nội dung: “Buộc thi hành án đối với Ủy ban nhân dân Thành phố M, địa chỉ: số C, đường H, phường G, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Nội dung phải thi hành: Ủy ban nhân dân thành phố M phải thực hiện nhiệm vụ công vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân thành phố M có trách nhiệm thi hành ngay sau khi nhận được Quyết định này và thông báo kết quả cho Tòa án biết. Ủy ban nhân dân tỉnh T có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc và xử lý trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố M theo quy định của pháp luật...”

[2.4] Theo người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện thì hiện nay Bản án số 557/2018/HC-PT vẫn đang có hiệu lực pháp luật và phần đất ông Đ yêu cầu được cấp giấy chứng nhận vẫn do ông Đ quản lý và sử dụng, không có quyết định thu hồi đất. Như vậy, ông Hồ Minh Đ khởi kiện hành vi của Ủy ban nhân dân thành phố M không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích 452,8m² tọa lạc tại Phường F, thành phố M đã được giải quyết bằng vụ án hành chính có hiệu lực pháp luật, đồng thời có quyết định thi hành án như đã nêu trên. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên đình đối với yêu cầu này của ông Hồ Minh Đ là phù hợp. Mặt khác, ông Đ khiếu nại là có cơ sở nhưng người bị kiện lại ban hành các Quyết định giải quyết khiếu nại số 11248/QĐ-UBND và Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 04/05/2023 có nội dung không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông Đ là không phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, việc ông Đ khởi kiện yêu cầu hủy hai quyết định nêu trên là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Minh Đ, hủy các Quyết định nêu trên là đúng pháp luật.

[2.5] Người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M phải chịu án phí theo quy định.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2024/HC-ST ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố M phải chịu 300.000 đồng; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000399 ngày 07/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy Vũ

Trần Văn Đạt

Nguyễn Thị Cúc